

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 927/BC-GDĐT

Cần Giờ, ngày 22 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 và công tác chuẩn bị triển khai năm học 2022-2023 đối với cấp tiểu học

Thực hiện theo văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổng kết năm học 2021 – 2022 cấp tiểu học.

Căn cứ hướng dẫn văn bản số 1449/GDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn công tác giáo dục cấp Tiểu học năm học 2021-2022 và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị; Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện ở từng nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh triển khai nhiệm vụ giáo dục tiểu học

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện ủy và Ủy ban nhân huyện và đã có các văn bản pháp lý về việc thực hiện chương trình phổ thông 2018.

Năm học 2021 - 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1 và lớp 2. Năm học diễn ra trong bối cảnh cả nước chịu ảnh hưởng nặng nề của nhiều đợt dịch Covid-19, giáo viên, học sinh phải chuyển trạng thái từ dạy học trực tiếp theo sang dạy học trực tuyến và linh hoạt áp dụng các hình thức khác phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị và địa phương, để duy trì việc học khi học sinh không thể đến trường.

Triển khai nhiệm vụ năm học trong bối cảnh khó khăn và khác biệt, đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ kép: vừa tích cực phòng chống dịch Covid-19, vừa triển khai hiệu quả CT GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với các lớp 3, 4, 5.

2. Thực trạng về điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học

2.1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học

Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện rà soát hiện trạng, nhu cầu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên từng lớp học, môn học theo lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, từ đó xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có, đăng ký tuyển dụng và thực hiện tinh giảm biên chế phù hợp với đặc thù của trường, đảm bảo số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên đạt hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Căn cứ Công văn số 1698/GDĐT-TH ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát các điều kiện để chuẩn bị thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học; Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi

dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngành Giáo dục giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 444/ KH-GDDT ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngành Giáo dục giai đoạn 2021 – 2025.

Thực hiện theo Công văn số 3781/GDDT-TC ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về nộp kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2020 theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kế hoạch tổ chức thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2020 (Kế hoạch số 6213/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện). Đồng thời lập danh sách giáo viên tham gia nâng chuẩn trình độ đào tạo năm 2020 và 2021 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

Thông kê trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý và giáo viên:

Tổng số CBQL - GV		Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Cao học	Trình độ từ Đại học trở lên		Trình độ đạt chuẩn		Trình độ trên chuẩn	
						Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
CBQL	31		1	28	2	30	96.8	30	96.8	2	6.5
GV	298	13	66	219		219	73.5	219	73.5		
Tổng	329	13	67	247	2	249	75.7	249	75.7	2	0.6

Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai CTGDPT 2018 (Kế hoạch số 1009/KH-GDDT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai bồi dưỡng GV và CBQL thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018).

Tiếp tục rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực để đáp ứng theo chuẩn.

Tạo điều kiện để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học.

Tuy nhiên trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số giáo viên chưa đồng đều; cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý, một số đơn vị thiếu giáo viên các môn chuyên như Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật. Tỷ lệ GV chưa đảm bảo đủ 1,5 giáo viên/ lớp (do một số vị trí không tuyển dụng được).

2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và các hướng dẫn của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018, các đơn vị đã thực hiện rà

soát, đánh giá lại điều kiện CSVC, thiết bị dạy học hiện có và đề nghị bổ sung, sửa chữa CSVC;

Thực hiện Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 và Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 11 năm 2020 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2. Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng đã có văn bản số về hướng dẫn các trường rà soát các điều kiện thực hiện CT GDPT đối với cấp tiểu học (về thiết bị dạy học) các trường đã kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học hiện có để lập kế hoạch đề xuất sửa chữa, thay thế, nâng cấp, mua sắm bổ sung những thiết bị dạy học cần thiết và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông.

Từ nguồn vốn Ngân sách thành phố phân bổ hàng năm cho ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ; Ngân sách từ nguồn vốn tập trung, nguồn vốn phân cấp, nguồn vốn xây dựng nông thôn mới để thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng trường lớp theo quy hoạch; mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học hàng năm. Hàng năm Phòng Giáo dục và Đào tạo có xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện thực hiện CTGDPT 2018 từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1, lớp 2.

Thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã triển khai của phòng Giáo dục và Đào tạo về kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cấp tiểu học. 16/16 trường tổ chức tự kiểm tra tại đơn vị báo cáo kết quả về Phòng Giáo dục, Trong 2 đợt kiểm tra điều kiện, Phòng Giáo dục tổ chức kiểm tra 10 đơn vị. Các đơn vị đảm bảo đầy đủ điều kiện để triển khai CTPT 2018 (Báo cáo số 1414 /GDĐT ngày 11 tháng 9 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo và Báo cáo số 1450 /BC - GDĐT ngày 28 tháng 09 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học)

Đến thời điểm hiện nay:

- Có 16/16 trường đảm bảo đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho học sinh;
- Có 10/16 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và công nhận đạt chất lượng giáo dục.

Ngoài các thiết bị và Đồ dùng dạy học hiện có tại trường, các trường cũng đã trang bị sách, thiết bị và đồ dùng dạy học từ các nguồn tài trợ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của phòng Tiểu học Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, của UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo để ban hành văn bản hướng dẫn các trường thực hiện nhiệm vụ năm học, trong công tác tổ chức, bồi dưỡng và hướng dẫn giáo viên thực hiện chương trình theo sách giáo khoa, sinh hoạt tổ khối chuyên môn, trang bị đồ dùng dạy học,..

Tổ chức họp giao ban triển khai đến các đơn vị giáo dục trên địa bàn huyện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022.

Có kế hoạch và thường xuyên đi cơ sở để nắm tình hình, hỗ trợ và tư vấn cho các

trường về trang thiết bị phục vụ cho công tác tổ chức dạy – học, điều chỉnh chương trình, thay đổi ngữ liệu,... để phù hợp với học sinh của lớp mình; nghe ý kiến của giáo viên để kịp thời tháo gỡ những vấn đề mà giáo viên còn gặp khó khăn, tư vấn những hình thức tổ chức dạy học để phát triển năng lực và phẩm chất học sinh theo kế hoạch dạy học mà giáo viên đã xây dựng,...

Phòng Giáo dục và Đào phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các đơn vị trường học và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trong năm học; tập hợp số liệu tham mưu, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học Ủy ban nhân dân huyện.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh

		Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú (so với NH 2020 - 2021)
Trường học	Tổng số	16	16	
	Dạy 2 b/ngày	16	16	
	Tổ chức bán trú	03	03	
Lớp học	Tổng số	207	212	Tăng 5
	Học 2 b/ngày	207	212	Tăng 5
	Tổ chức bán trú	60	46	Giảm 14
Học sinh	Tổng số	5759	5784	Tăng 25
	Học 2 b/ngày	5759	5784	Tăng 25
	Tổ chức bán trú	443	328	Giảm 115

Ngoài ra còn có Trường Chuyên biệt Cần Thạnh có 48 học sinh khuyết tật, trong đó 37/48 trẻ học chương trình tiểu học, giảm 8 em so với năm học trước (học 2 buổi/ ngày). Toàn huyện có 144 học sinh khuyết tật học hòa nhập ở 16 trường tiểu học, giảm 12 em so với năm học 2020 – 2021.

3. Duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

3.1. Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi:

Ngay trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của cấp Tiểu học, Phòng GD&ĐT đã triển khai thực hiện Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; giao chỉ tiêu cho các trường phấn đấu đạt tỉ lệ huy động học sinh ra lớp ngay đầu năm học, phối hợp với địa phương thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, tích cực trong công tác chống lưu ban, duy trì tỉ lệ trong suốt năm học và các năm tiếp theo.

Cùng chuyên trách huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, tham mưu các văn bản như kế hoạch vận động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, kế hoạch tuyển sinh đầu năm- kế hoạch tổ chức tự kiểm tra công nhận cho các xã, thị trấn; kế hoạch kiểm tra phổ cập giáo dục hàng năm của huyện kiểm tra các xã; thị trấn. Kế hoạch chỉ đạo chuyển môn bậc tiểu học ...

Cùng chuyên trách Huyện tổ chức tập huấn các giáo viên chuyên trách và cán bộ được phân công của các trường về công tác thống kê; Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu thập, quản lý số liệu về PCGDTH. Triển khai phần mềm phổ cập theo Công văn số 7475/BGDĐT-KHTC ngày 14/10/2013 về việc Hướng dẫn triển khai hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD-XMC. Hiệu trưởng các trường xây dựng hồ sơ phổ cập theo quy định tại *văn bản số 285/ GDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v* thống nhất hồ sơ phổ cập tại các trường trung học cơ sở và tiểu học.

Các trường tiểu học đã phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể về thực hiện việc huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp. Tổ chức duy trì sĩ số học sinh.

Hạn chế:

- Một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo văn bản số 285/ GDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

- Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi tỉ lệ chưa cao và thiếu bền vững. Nguyên nhân hàng năm trường phải tiếp nhận thường xuyên các trường hợp khai sinh lớn tuổi chuyển đến từ các tỉnh lân cận.

3.2. Công tác kiểm định chất lượng - Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

Tiếp tục chỉ đạo các trường tiểu học làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung các nguồn lực để xây dựng, nâng cao cả về số lượng và chất lượng trường tiểu học nhằm đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tạo nền tảng vững chắc thực hiện thành công CT GDPT 2018.

Chỉ đạo các trường thực hiện theo Kế hoạch số 6214/KH-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Cần Giờ Kế hoạch thực hiện công tác đánh giá chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025; Dựa vào kế hoạch số 470/ KH-GDĐT ngày 5 tháng 4 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công tác đánh giá chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngành giáo dục Giai đoạn 2021-2025 và các văn bản chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác Kiểm định Chất giáo dục và thực hiện hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo đúng tiến độ, phần đầu 100% đơn vị tự đánh giá; nâng cao chất lượng đánh giá ngoài.

Các trường có kế hoạch tổ chức thực hiện công tác Kiểm định Chất giáo dục theo các văn bản chỉ đạo và thực hiện công tác tự đánh giá (Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông).

Các trường đạt chuẩn tiếp tục xây dựng, củng cố; Các trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài xây dựng kế hoạch, tổ chức cải tiến chất lượng để nâng dần chất lượng giáo dục.

Trong năm học 2021-2022: Trường Tiểu học Lý Nhơn đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá ngoài công nhận lại chất lượng giáo dục cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 (đang chờ Quyết định).

Ngoài các trường trên các trường còn lại rà soát, kiểm tra các hạng mục cơ sở vật chất, chủ động tham mưu đề xuất các cấp lãnh đạo sửa chữa, nâng cấp, xây mới... theo yêu cầu.

- Có 10/16 trường được công nhận đạt chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia (10 trường TH: Cần Thạnh, Thạnh An, Long Thạnh, Hòa Hiệp, Đồng Hòa, Lý Nhơn, An Nghĩa, Tam Thôn Hiệp, Bình Phước, Bình Khánh).

4. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

4.1. Đối với lớp 1 và lớp 2

Nhà trường triển khai chương trình, sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 năm học 2021-2022 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đến đội ngũ giáo viên, phụ huynh.

Sử dụng sách giáo khoa phục vụ cho việc thực hiện chương trình theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 được sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021 – 2022.

Thực hiện tốt việc sắp xếp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy lớp 1, 2. Tổ chức rà soát, bổ sung, đảm bảo đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về ban hành Danh mục dạy học tối thiểu ở lớp 1 và Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2.

Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo văn bản số 1424/GDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Phòng giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm học 2021-2022 và một số lưu ý trong việc tổ chức dạy học trong giai đoạn ứng phó với dịch Covid-19 (công văn số 3969/BGDĐT-GDTH); Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên lớp 1, 2 xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo nội dung, hình thức tổ chức, thời lượng các môn học theo quy định của chương trình chú trọng đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh.

Phối hợp với Cụm chuyên môn tổ chức ghi hình các tiết dạy, xây dựng kho bài giảng dùng chung cho các môn học/hoạt động giáo dục; xây dựng khung giờ phù hợp, tạo điều kiện thuận tiện cho cha mẹ học sinh hướng dẫn, hỗ trợ học sinh học tập qua truyền hình, phối hợp hướng dẫn học sinh chủ động học tập ở nhà phù hợp với khung thời gian, điều kiện cụ thể và khả năng đáp ứng của gia đình học sinh.

Tổ chức chuyên đề các môn học ở lớp 1, 2 theo CTGDPT 2018 để giáo viên hiểu đầy đủ chương trình, nắm được những điểm mới, nâng cao hiệu quả dạy và học các môn học trong nhà trường.

Trong năm học 2021-2022, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào

tạo đã ban hành, các trường Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid-19.

4.2. Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục phổ thông; điều chỉnh nội dung và yêu cầu các môn học và các hoạt động giáo dục phải linh hoạt, vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học tại địa phương đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực của học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GDĐT; công văn số 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm học 2021-2022 ứng phó với dịch Covid-19

- Trong HKI năm học 2021-2022, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, các trường Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid (như lớp 1,2)

Việc triển khai dạy học chương trình giáo dục phổ thông đối với lớp 5 đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 265 /GDĐT, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về triển khai, thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 học kỳ 2 năm học 2020-2021 và văn bản số 1394/GDĐT, ngày 07 tháng 9 năm 2021 về triển khai, thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2021-2022.

- Hiệu trưởng các trường tiểu học đã căn cứ theo văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đến tất cả giáo viên giảng dạy lớp 5 ở đầu học kỳ 2 năm học 2020-2021 và tiếp tục thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 từ năm học 2021-2022, để giúp học sinh tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 6, theo tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học các môn học lớp 5 theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các cuộc họp để trao đổi, chia sẻ cách làm, kế hoạch thực hiện, kế hoạch điều chỉnh nội dung dạy học các môn học lớp 5 theo chương trình hiện hành theo định hướng chương trình 2018.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch để dự giờ tư vấn cho giáo viên và kiểm tra kế hoạch điều chỉnh, công tác chỉ đạo và bồi dưỡng giáo viên của các trường.

Đánh giá chung: Đến thời điểm hiện tại các trường đã thực hiện khá tốt theo chỉ đạo, giáo viên lớp 5 đã biết cách điều chỉnh nội dung dạy học các môn học lớp 5 theo chương trình hiện hành theo định hướng chương trình 2018. Biết điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giảm các nội dung để dành thời gian cho các nội dung khác nhằm tạo thêm điều kiện cho học sinh tiếp cận phương pháp dạy học theo yêu cầu của chương trình 2018. Biết chọn lựa những điểm mới của Chương trình 2018 để xác định yêu cầu cần đạt các mạch nội dung từng môn học lớp 5, đề xuất những điểm cần bổ sung, điều chỉnh với từng mạch nội dung. Vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các môn học lớp 5 theo

định hướng chương trình 2018 dạy học tích cực và phân hóa, đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương thức dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS, chú trọng hoạt động cá nhân và hoạt động hợp tác (hoạt động theo cặp, nhóm), giảm bớt hình thức học theo lớp. Xác định được một số phương pháp và công cụ đánh giá thường xuyên, đánh giá học sinh trong các môn học lớp 5 chương trình hiện hành theo định hướng chương trình 2018. Không đưa nội dung điều chỉnh vào các bài kiểm tra.

4.3. Dạy học Ngoại ngữ và Tin học

4.3.1. Dạy học Ngoại ngữ:

Đến cuối năm học 2021-2022, tổng số giáo viên là 35 giáo viên. Trong đó, biên chế và hợp đồng là 30 giáo viên và 05 giáo viên thỉnh giảng, đảm bảo chương trình giảng dạy, hoạt động giáo dục của bộ môn tiếng Anh theo quy định.

Có 16/16 trường tiểu học dạy tiếng Anh, tỉ lệ 100%, trong đó có 07 trường dạy tiếng Anh tăng cường (Trường TH An Nghĩa, TH An Thới Đông, TH Bình Khánh, TH Cần Thạnh, TH Cần Thạnh 2, TH Bình Phước và TH Long Thạnh); 15/16 trường dạy tiếng Anh tự chọn (Trường TH Lý Nhơn không dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2); có 208/212 lớp học tiếng Anh (Trong đó có 66/70 lớp tiếng Anh tự chọn, 100 lớp tiếng Anh chương trình 10 năm và 42 lớp tiếng Anh tăng cường), tỉ lệ 100% và có 5602/5784 học sinh học tiếng Anh (Trong đó có 1.620/2.140 học sinh lớp 1, lớp 2 học tiếng Anh tự chọn, 1.341 học sinh tiếng Anh tăng cường và 2.641 học sinh học tiếng Anh chương trình 10 năm), tỉ lệ 96.85%; còn 182 học sinh chưa học tiếng Anh (Trong đó có 141 học sinh không học tiếng Anh tự chọn, 41 học sinh không học tiếng Anh chương trình 10 năm do khuyết tật học hòa nhập).

Tham gia bồi dưỡng các mô đun chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo quy định. Các giáo viên tham gia sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn; dự giờ, rút kinh nghiệm giúp đỡ lẫn nhau trong giảng dạy; tổ chức các chuyên đề chuyên môn tại đơn vị, qua đó tạo được hiệu quả nhất định, giúp giáo viên nâng cao chất lượng dạy và học.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đúng theo quy định. Hướng dẫn giáo viên soạn đề kiểm tra dựa trên ma trận đề và hướng dẫn ra đề nhằm tiếp cận các bài thi chứng chỉ quốc tế giúp học sinh quen dần với các bài thi đó và đạt chuẩn chất lượng đầu ra theo quy định của Đề án.

Các trường tổ chức nhiều hoạt động như Ngày hội tiếng Anh, hoạt động Open House, Ngày hội thực hành tiếng Anh với sự tham gia của đông đảo học sinh và các đơn vị cung cấp giáo viên người nước ngoài, đem đến sự tươi mới, sự phấn khởi tham gia, màu sắc và đa dạng các hoạt động thực hành tiếng Anh.

Tổ chức ôn tập cho 1.054 học sinh tiểu học dự thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế của Cambridge, dự kiến ngày 24/7/2022 tại Trường THCS Bình Khánh. Trong năm học 2021-2022, có 16 trường hợp phụ huynh học sinh tự túc đăng ký cho con em tham gia các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Có 46 lớp (không tăng giảm so với cùng kỳ) và 1.323 học sinh (tăng 03 học sinh) học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài tại 05 trường, gồm An Nghĩa, An Thới Đông, Bình Khánh, Cần Thạnh, Cần Thạnh 2.

Có 04 lớp với 135 học sinh học Toán-Khoa học với giáo viên người nước ngoài tại Trường TH Bình Khánh.

4.3.2. Tổ chức thực hiện dạy học môn Tin học:

Tổng số giáo viên bộ môn: 17 giáo viên, 16/16 trường.

- Tổng số lớp học tin học tự chọn: 130 Lớp (từ khối 3 đến khối 5); Tổng số học : 3507 học sinh.

- Tổng số phòng máy dạy: 20 phòng máy

Chất lượng tin học tự chọn (Bài kiểm tra định kì đạt 5 điểm trở lên):

+ Khối 3: 995/995 đạt 100 %;

+ Khối 4: 1355/1355 đạt 100 %;

+ Khối 5: 1156/1156 đạt 100 %;

Việc thực hiện chương trình, nội dung, kế hoạch giảng dạy:

- Về giảng dạy Tin học phổ thông: Các trường thực hiện theo đúng phân phối chương trình và dạy theo sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và đào tạo (Cùng học tin học quyển 1 dành cho học sinh lớp 3, quyển 2 dành cho học sinh lớp 4, quyển 3 dành cho học sinh lớp 5); một số trường giảng dạy chương trình tin học mở rộng áp dụng cho các khối 1 và 2 theo khung phân phối chương trình của Sở GD&ĐT;

- Về giảng dạy chương trình tin học theo chuẩn quốc tế (IC3 Spark): giảng dạy Tin học theo chuẩn quốc tế, các trường thực hiện theo đúng phân phối chương trình và dạy theo sách giáo khoa của Sở Giáo dục và đào tạo.

Giáo viên nâng cao chất lượng ra đề thông qua việc áp dụng ma trận đề và sử dụng các phần mềm học tập theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT.

Đội ngũ giáo viên đã có 15 giáo viên đạt trình độ và đủ điều kiện để dạy chương trình tin học theo chuẩn quốc tế IC3 spark dành cho học sinh cấp tiểu học.

Hạn chế: Vẫn còn một số đơn vị phòng máy không đáp ứng đủ 01HS/01máy dẫn đến thời gian thực hành của HS không nhiều, đường truyền Internet kết nối phòng máy của các trường còn rất hạn chế. Chưa đạt 100% giáo viên có trình độ tin học theo chuẩn quốc tế.

4.4. Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục của địa phương

Thực hiện theo văn bản số 3654/GDDT-TH về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021; Thông báo số 1995/GDDT ngày 23/12/2021 Về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Một số giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình, sách giáo khoa mới”. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu tài liệu giáo dục địa phương và sách giáo khoa hoạt động trải nghiệm lớp 1, 2 để xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu, kế hoạch dạy học tuần đối với hoạt động trải nghiệm. Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, chủ động tổ chức họp tổ chuyên môn nghiên cứu bài học, lập kế hoạch cụ thể để thống nhất nội dung lồng ghép, tích hợp trong nội dung các bài học và hoạt động giáo dục.

Các khối lớp còn lại, thực hiện theo Hướng dẫn số 288 /GDĐT – TH ngày 26/02/2009 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện nội dung Giáo

dục địa phương các môn học ở Tiểu học; Công văn số 1056/ GDĐT-TH ngày 29 tháng 10 năm 2009 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung Giáo dục địa phương các môn ở tiểu học. Giáo viên đã chủ động lựa chọn nội dung Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện giảng dạy ở các tiết theo chương trình; lồng ghép vào các tiết học và hoạt động giáo dục, qua đó giúp học sinh vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, tìm hiểu về truyền thống quê hương, đất nước; gắn liền kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống.

Thông qua các chủ đề của nội dung giáo dục địa phương giúp học sinh nâng cao kinh nghiệm sống và những hiểu biết của mình trong các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, địa lí, kinh tế, môi trường địa phương... giúp các em có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hàng ngày mà các em gặp ở địa phương.

Những vấn đề tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Một số giáo viên chưa quan tâm nhiều đến việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương, lồng ghép các nội dung còn đơn điệu.

- Việc tích hợp nội dung giáo dục địa phương trong Hoạt động trải nghiệm và các môn học bước đầu sẽ gặp nhiều khó khăn do đây là hoạt động giáo dục lần đầu được đưa vào Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (đối với lớp 1,2).

4.5 Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh

- Các trường tiểu học xây dựng và quản lý tốt môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng và bình đẳng. chuyển mạnh các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa sang hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm theo văn bản 1634 /GDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2019 V/v hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh và Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học (công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ và công văn số 3446/GDĐT-TH ngày 26/09/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh) Thông báo số 1995/TB- GDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề chuyên đề “Một số giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình, sách giáo khoa mới”; tập trung giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự chăm sóc, bảo vệ bản thân, giáo dục kỹ năng tài chính cá nhân, bảo vệ môi trường, ý thức giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp; an toàn giao thông, phát triển văn hóa đọc. Bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục thể chất, y tế trường học; đẩy mạnh hoạt động học bơi và phòng, chống đuối nước cho học sinh. Tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học và Hoạt động trải nghiệm.

- Các trường xây dựng ý tưởng tổ chức các hội thi có tính chất truyền thống với sự hỗ trợ, tài trợ của địa phương, các mạnh thường quân, ban đại diện CMHS...

- Các trường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT ban hành quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Các trường tổ chức Giáo dục học sinh thực hiện 5 Điều dạy của Bác Hồ và thư của Bác gửi học sinh nhân ngày khai trường, các nhiệm vụ của học sinh, bằng nhiều hình thức phong phú phù hợp với lứa tuổi như sinh hoạt, Kể chuyện, văn nghệ, trang trí trường lớp và sáng tác (vẽ tranh, văn thơ,...). Lồng ghép những lời dạy của Bác Hồ trong giảng dạy các môn Lịch sử - Địa lý, Tiếng Việt và Đạo đức.

- Thực hiện văn bản số 297/GDĐT ngày 11/03/2014 của Phòng GD&ĐT về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Tổ chức giáo dục âm nhạc dân tộc trong trường tiểu học” năm học: 2013-2014. Tiếp tục tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng các bài hát dân ca trong chương trình, tổ chức cho học sinh hát các bài hát dân ca, các bài hát đã học trong đầu giờ, giờ chuyển tiết và trong các sinh hoạt tập thể khác. Cũng cố việc hát các bài hát tập thể trong nhà trường, tại lớp học, trong các buổi sinh hoạt tập thể. Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động *đưa âm nhạc dân tộc vào trường* Tiểu học thông qua các hoạt động văn nghệ, giao lưu; đổi mới phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học theo hướng hiện đại;

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe học sinh thông qua việc tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học môn thể dục, đưa các trò chơi dân gian, võ cổ truyền vào nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao, phát triển chương trình bóng đá học đường, hoạt động múa hát sân trường giữa giờ thiết thực, hiệu quả; đặc biệt có kế hoạch phổ biến, tuyên truyền và tổ chức *phổ cập bơi lội* cho trẻ tại các trường một cách hiệu quả, an toàn. Tham mưu với chính quyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, thực hiện tốt công tác xã hội hóa để tổ chức và thực hiện công tác giáo dục thể chất cho học sinh ngày càng tốt hơn.

- Tiếp tục thực hiện *Giáo dục môi trường*, tổ chức các ngày hội phù hợp với đơn vị bằng các hình thức sáng tạo, hấp dẫn.

- Các trường tổ chức giảng dạy đầy đủ các nội dung chương trình Quyền trẻ em, an toàn giao thông (Sử dụng tài liệu «**Văn hóa giao thông dành cho học sinh tiểu học**» hỗ trợ triển khai công tác giáo dục ATGT cho học sinh trong trường tiểu học theo công văn 4962/BGDĐT-CTHSSV ngày 05/10/2016 của Bộ GD&ĐT) và công văn 1721/ GDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai chương trình giáo dục “An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ” năm học 2020-2021. Gắn việc giáo dục đạo đức và rèn kỹ năng sống cho học sinh trong từng môn học (chú trọng rèn kỹ năng và thái độ của học sinh trong phần xác định mục tiêu từng bài dạy). Tiếp tục thực hiện Giáo dục môi trường, tổ chức các ngày hội phù hợp với đơn vị bằng các hình thức sáng tạo, hấp dẫn.

- Ngoài việc tổ chức các hoạt động chung chào mừng 20/11, 22/12, ngày tết trung thu tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, các trường xây dựng ý tưởng tổ chức các hội thi có tính chất truyền thống, mang sắc thái riêng của trường một cách linh hoạt, phong phú, hấp dẫn, với điều kiện thực tế của nhà trường (theo thống kê đính kèm).

- **Hạn chế:** Do phòng chống dịch bệnh và điều kiện tổ chức nên việc tổ chức các hoạt động trong năm chưa được thường xuyên, phổ cập bơi lội thực hiện còn chậm tiến độ.

Xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh:

- Cơ sở vật chất của thư viện đa số các trường thoáng mát, phòng đọc sắp xếp ngăn nắp, trang thiết bị chuyên dùng cho thư viện tương đối đầy đủ, máy tính có nối mạng internet để hỗ trợ cho việc tìm kiếm tư liệu trong dạy và học của giáo viên và học sinh. Các trường có

gắng từng bước nâng cấp cơ sở vật chất thư viện theo hướng thân thiện, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo cho việc phục vụ dạy tốt, học tốt. Trang bị thêm tủ, kệ đựng sách, báo, tạp chí ở phòng đọc.

- Đa số trường xây dựng kế hoạch và đưa vào hoạt động thư viện với nhiều hình thức và nội dung phong phú như tuyên truyền giới thiệu sách thông qua chào cờ đầu tuần, giới thiệu trên bảng, tuyên truyền sách trong các buổi phát thanh học đường, giờ ra chơi, giới thiệu sách qua thư mục biên soạn, trưng bày,... Ngoài ra Thư viện còn kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, hội thi góp phần vào hoạt động chung của nhà trường thêm sôi động, phong phú và đa dạng,...

- Song song đó, đối với hoạt động phát triển văn hóa đọc trong nhà trường: Việc này nhằm thúc đẩy phong trào tự học, hình thành thói quen đọc của học sinh; đồng thời khuyến khích các em tìm hiểu, thực hành hoạt động tìm tòi, nghiên cứu các nội dung kiến thức và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành.

- Hạn chế:

- + Một số đơn vị đầu tư kinh phí cho mua sách còn ít, tổ chức các hoạt động, sử dụng các nghiệp vụ thư viện chưa được tốt. Chưa chú trọng nhiều đến hoạt động về thư viện xanh, tiết học trên thư viện.

- + Một số đơn vị chưa đổi mới cách thức tổ chức và hoạt động thư viện trường học nhằm tạo môi trường thuận lợi cho học sinh tiếp cận thường xuyên với sách bằng nhiều hình thức như “thư viện xanh”, “thư viện thân thiện”, “thư viện điện tử”, ...

- + Xã hội hoá các nguồn lực xây dựng thư viện trường học, huy động cha mẹ học sinh, các tập thể, cá nhân tham gia xây dựng tủ sách lớp học, tủ sách phụ huynh còn hạn chế.

4.6. Tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình và các hình thức tổ chức dạy học khác trong thời gian học sinh không đến trường.

Trong năm học 2021-2022, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, các trường Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid:

- Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid: Thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành (Văn bản số 1242/GDDT ngày 15 tháng 7 năm 2021, kế hoạch số 1316/KH-GDDT ngày 16 tháng 8 năm 2021; Kế hoạch số 1722/KH-GDDT ngày 19 tháng 11 năm 2021; Văn bản số 1424/GDDT ngày 18 tháng 9 năm 2021; Văn bản số 1546/GDDT ngày 20 tháng 10 năm 2021)

- Cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên rất quan tâm đến việc tổ chức cho học sinh học một cách thuận lợi. Giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn có biện pháp theo dõi, nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập đã giao cho học sinh, động viên, khuyến khích học sinh hoàn thành các bài học và các hoạt động trong tuần;

- Các cụm chuyên môn đã xây dựng kế hoạch, các trường đã phân công soạn bài đăng lên trang Website của đơn vị, để tất cả học sinh có thể vào học và đây cũng là nguồn tư liệu để sau này hỗ trợ cho các em hiện nay chưa tham gia học. Có tất cả 16/16 đơn vị tổ chức

dạy học qua Internet và các hình thức khác. Thông báo đến cha mẹ học sinh và học sinh để đón xem và học tập theo lịch đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường của Sở Giáo dục và lịch phát sóng.- Chỉ đạo giáo viên đầu tư thiết kế các bài PowerPoint dạy trực tuyến hạn chế kênh chữ, thiết kế thêm các trò chơi học tập nhằm thu hút học sinh.

- Chủ động rà soát học sinh không có điều kiện học tập trực tuyến để xây dựng nhiều hình thức tổ chức, giải pháp dạy học phù hợp để giúp cho các học sinh không có mặt tại thành phố, không có phương tiện, thiết bị vẫn có thể học tập; không gây áp lực về kiểm tra đánh giá, không gây căng thẳng cho học sinh. Bên cạnh đó, huy động mọi nguồn lực xã hội để hỗ trợ học sinh khó khăn, thiếu điều kiện và thiết bị học tập trực tuyến, không để học sinh bị bỏ lại phía sau vì thiếu thiết bị học tập.

- Định hướng và khuyến khích giáo viên cung cấp nhiều bài đọc có cùng chủ đề thông qua việc gửi ảnh chụp qua zalo để học sinh có điều kiện tiếp xúc và lựa chọn bài đọc khi thực hiện nội dung phiếu đọc sách trong môn Tiếng Việt.

- Giáo viên thực hiện khảo sát kiến thức hàng tuần để nắm tình hình học tập của học sinh, từ đó điều chỉnh cách thức dạy học, rèn luyện cho các em những kiến thức chưa đạt. Thực hiện nhận xét trên sản phẩm, bài làm của học sinh bằng nhiều hình thức như thực hiện trên phần mềm azota, paint, tin nhắn zalo,...để động viên, hỗ trợ, khuyến khích các em trong quá trình học tập.

- Thường xuyên nhắc nhở học sinh, phụ huynh trong việc hỗ trợ học sinh hoàn thành sản phẩm một các trung thực để giáo viên nắm chính xác năng lực học tập của học sinh nhằm mục đích điều chỉnh hoạt động tổ chức dạy và học giúp em tiếp thu tốt hơn.

- Những học sinh không có điều kiện học trực tuyến và zalo, các trường phối hợp cùng cha mẹ học sinh triển khai thực hiện giải pháp học tập qua truyền hình, nhà trường hỗ trợ bằng cách in bài đưa đến từng nhà cho các em học. Trường hợp học sinh trùng thời gian học cùng các thành viên khác trong gia đình khi không đủ phương tiện học: Giáo viên linh động tham mưu với CBQL trong điều chỉnh thời gian học tập phù hợp. Mặt khác, giáo viên có thể gửi bài ở hình thức online và tiến hành phụ đạo riêng học sinh ở thời gian khác.

Tăng cường dự giờ để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của giáo viên để rút kinh nghiệm, thực hiện tốt hơn trong thời gian tới. Trong năm tổ tiểu học cũng đã đến các trường tổ chức kiểm tra, dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm với Ban giám hiệu, giáo viên các trường.

Qua công tác kiểm tra và báo cáo của các đơn vị cho thấy cán bộ quản lý nhà trường có triển khai, chỉ đạo và theo dõi sát sao việc thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc thực hiện giảng dạy, kiểm tra, đánh giá đối với học sinh, điều chỉnh kịp thời những trường hợp thực hiện chưa nghiêm túc.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, giáo viên nhà trường được điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp (đây là điểm mới, giao quyền và trách nhiệm cho giáo viên, nhà trường nhiều hơn), vì vậy giáo viên còn lúng túng, chưa mạnh dạn thực hiện, vẫn thực hiện theo cách cũ. Giáo viên chưa mạnh dạn thay đổi ngữ liệu hay sử dụng các tài liệu bổ trợ để tiết học thật sự được triển khai theo hướng mở và sáng tạo.

Vẫn còn một vài giáo viên chưa Ứng dụng và khai thác hiệu quả CNTT, các phần mềm vào soạn bài dạy trực tuyến như: chia nhóm, tổ chức học nhóm, các hiệu ứng... Nên chưa tạo được nhiều hứng thú cho học sinh trong quá trình học.

4.7. Tổ chức thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

Tổ chức thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:

Tiếp tục thực hiện việc giao quyền chủ động cho nhà trường thực hiện công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện CT GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Các trường cũng đã tổ chức thực hiện văn bản số 1634/GDĐT ngày 7 tháng 10 năm 2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh và hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học (thực hiện văn bản số 3445/GDĐT và văn bản 3446/ GDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo). Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục theo văn bản số 1424/GDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Phòng giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học năm học 2021-2022 và một số lưu ý trong việc tổ chức dạy học trong giai đoạn ứng phó với dịch Covid-19 (công văn số 3969/BGDĐT-GDTH);

Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; dạy học phân hoá, dạy học cá thể, dự án, dạy học ngoài trời, ngoại khóa, dạy học bằng trải nghiệm, ứng dụng CNTT, quan tâm hơn đến từng em học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông; Phát huy vai trò tích cực của học sinh trong việc chủ động sưu tầm thông tin để nâng cao chất lượng học tập và giúp cho học sinh có điều kiện tự quản trong hoạt động nhóm (tổ, lớp). Trong năm học 2021-2022, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, các trường Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid.

Các trường khuyến khích giáo viên thiết kế, tổ chức các giờ học cho học sinh **thực hành, thí nghiệm** với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện. Tổ chức tham quan học tập phương pháp “Bàn tay nặn bột” tại các đơn vị, các trường bạn. Tiếp tục củng cố, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực theo dự án Việt Bì vào giảng dạy (Kỹ thuật dạy học “Các mảnh ghép”, “Dạy học theo góc”, “Khăn phủ bàn”; kỹ thuật KWL, Dạy học theo dự án,...); tiếp tục dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới theo chỉ đạo.

Chú trọng vận dụng hình thức dạy học ngoài trời, hoạt động ngoại khóa gắn với nội dung kiến thức chương trình học, kết hợp dạy – học lịch sử, địa lý địa phương trong các buổi học tập ngoại khóa và sử dụng lồng ghép, tích hợp trong các môn học có liên quan đến lịch sử và địa lý cũng như kiến thức về thiên nhiên, môi trường sống.

Bên cạnh đó vẫn còn không ít giáo viên phụ thuộc vào nội dung sách giáo khoa; thiết kế các hoạt động đôi khi chưa hợp lý; thiếu kinh nghiệm trong việc vận dụng Kỹ thuật dạy học hợp tác và các Phương pháp dạy học tích cực để tổ chức dạy – học, chưa phát huy tính tích cực của học sinh; GV chưa phát huy hết công năng của bảng tương tác (một phần do GV chưa nắm được kỹ thuật sử dụng).

Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý chỉ đạo và trong đổi mới phương pháp dạy học.

Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn (SHCM) tại các tổ, khối chuyên môn trong trường và giữa các trường tiểu học:

- Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại văn bản số 1338/GDĐT-TH ngày 13/5/2020 của SGDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CT GDPT cấp tiểu học từ năm học 2020-2021 và công văn Văn bản số 1212 /GDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn Thực hiện chương trình GDPT Cấp tiểu học từ năm học 2020-2021; Các trường đã sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy trong tuần để mỗi tổ khối có được một buổi sinh hoạt chuyên môn.

- Đưa SHCM trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý trong chỉ đạo chuyên môn; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho giáo viên trong hoạt động dạy học. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh,... cho giáo viên. Tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tuy nhiên vẫn còn vài đơn vị các buổi họp chuyên môn chưa đi sâu vào việc sinh hoạt chuyên môn, chỉ triển khai văn bản hành chính, các công việc.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên: Trong năm, thực hiện theo sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chỉ đạo các trường Tiểu học thực hiện bồi dưỡng thường xuyên kết hợp với nội dung bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018, hình thức học tập trực tuyến. 100% CBQL, giáo viên tiểu học hoàn thành các mô đun 1, 2, 3, 4, 5, 9 chương trình bồi dưỡng phổ thông theo tiến độ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Công tác bồi dưỡng chuyên đề:

- Tiếp tục cử CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nhiệm vụ được giao. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp Trường BDGD tổ chức các lớp tập huấn và chuyên đề theo chỉ đạo của Sở.

- Sau mỗi chuyên đề, Phòng GD có văn bản kết luận và chỉ đạo các trường triển khai và vận dụng vào thực tế. Kết quả giáo viên bước đầu đã vận dụng thành công nội dung trên vào bài giảng Theo tình thực tế của từng đơn vị cũng đã tổ chức bồi dưỡng GV.

- Tất cả các trường đã tổ chức triển khai các chuyên đề huyện đã tập huấn. Đa số giáo viên áp dụng tốt các chuyên đề vào việc giảng dạy. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng vẫn chưa thực hiện thường xuyên.

Tổ chức thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức đánh giá:

- Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện nghiêm túc đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2 từ năm học 2021 – 2022 theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư về ban hành Quy định đánh giá học sinh; Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và các văn bản chỉ đạo của Sở và Phòng

Giáo dục và Đào tạo, văn bản số 1570/TB-GDDT ngày 02 tháng 11 năm 2018 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp tiểu học kể từ năm học 2018-2019; Công văn 26/ GDDT ngày 7 tháng 1 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn tổ chức dạy học, đánh giá học sinh tiểu học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông ứng phó dịch Covid 19 và tổ chức kiểm tra định kỳ học kỳ 1 cấp tiểu học năm học 2021-2022 (thực hiện công văn số 3874/SGDDT-TH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Hiệu trưởng đã triển khai, tập huấn thông tư triệt để, đúng quy trình đến giáo viên, cha mẹ học sinh. Nhìn chung, đa số cán bộ, giáo viên đã nắm vững, nhận thức đúng đắn và thực hiện đúng

- Giao quyền và trách nhiệm cho hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện KTĐK. CBQL và GV nắm vững và nhận thức đúng đắn về yêu cầu của Thông tư để thực hiện tốt trong quá trình chỉ đạo và đánh giá, giúp học sinh tự tin, biết mặt hạn chế để sửa chữa, phát huy các mặt ưu điểm (kết hợp việc chấm điểm với nhận xét chi tiết).

- Thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh (theo công văn 4147/GDDT-TH ngày 11/12/2020 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn sử dụng hồ sơ sổ sách điện tử trong cơ sở giáo dục tiểu học). Qua đó giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách giúp giáo viên có nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Hạn chế:

+ Một số vở của HS chưa thể hiện nội dung được nhận xét, sửa bài hàng ngày.

+ Đề kiểm tra định kỳ ở một số đơn vị nội dung đề chưa đúng mức độ của ma trận.

- Kết quả chất lượng bộ môn:

Môn Tiếng Việt:

K H OÍ	Năm học 2020 - 2021						Năm học 2021 - 2022					
	TSHS/ TS HSDT	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %	TSHS (đã trừ KT) / TSHSDKT/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %
1	1048/ 1089 (Trừ 41 KT không đánh giá)	750 71,6 %	251 24 %	41 3,9 %	1042 99,4 %	06 0,6 %	1063/ 1063/ 1092 (Trừ 29 HSKT không đánh giá)	738 69,4 %	221 20,8 %	63 5,9 %	1022 96,1 %	41 3,9 %
2	1111/ 1124 (Trừ 13 KT không đánh giá)	721 64,9 %	317 28,5 %	73 6,6 %	1111 100 %	00	1033/ 1033/ 1048 (Trừ 15 HSKT không đánh giá)	711 68,8 %	248 24 %	73 7,1 %	1032 99,9 %	1 0,1 %
3	1378/ 1390 (Trừ 12 KT không đánh giá)	802 58,2 %	483 35,1 %	93 6,7 %	1378 100 %	00	1110/ 1010/ 1117 (Trừ 7 HSKT không đánh giá)	702 63,2 %	311 28 %	96 8,7 %	1109 99,9 %	1 0,1 %

4	1169/ 1174 (Trừ 5 KT không đánh giá)	709 60,6 %	363 31,1 %	97 8,3 %	1169 100 %	00	1365/ 1365/ 1367 (Trừ 2 HSKT không đánh giá)	848 62,1 %	395 28,9 %	122 9 %	1365 100 %	0
5	981/982 (Trừ 1 KT không đánh giá)	577 58,8 %	333 33,9 %	71 7,2 %	981 100 %	00	1160/ 1160	762 65,7 %	352 30,3 %	46 4 %	1160 100 %	0
TC	5687/ 5759 (Trừ 72 KT không đánh giá)	3559 62,6 %	1747 30,7 %	375 6,6 %	5681 99,9 %	06 0,1 %	5731/ 5731/ 5784 (Trừ 53 HSKT không đánh giá)	3761 65,6 %	1527 26,6 %	400 7 %	5688 99,2 %	43 0,8 %

Qua bảng thống kê đánh giá như sau:

- Tổng số học sinh toàn huyện năm học 2021 – 2022, đến cuối năm học là 5784 học sinh. Trong 5784 học sinh có 144 học sinh khuyết tật học hòa nhập ở 15 trường tiểu học, trong đó có 53 học sinh khuyết tật làm bài kiểm tra môn Tiếng Việt theo chương trình học của kế hoạch học tập cá nhân nên không tham gia đánh giá xếp loại cuối năm, còn 91 học sinh khuyết tật học hết chương trình lớp học nên tham gia kiểm tra môn Tiếng Việt theo đề chung đạt từ điểm 5 trở lên. Như vậy số học sinh tính tỉ lệ là 5731/5784.

Tỉ lệ đạt yêu cầu (điểm bài kiểm tra trên 5) là: 5688/5731 – Tỉ lệ 99,2% so với năm học trước giảm 0,7%, tỉ lệ yếu tăng 0,7%. Tập trung ở lớp 1 là 41/43 học sinh, các trường có tỉ lệ yếu cao so với bình quân chung là TH Bình Thạnh, TH Bình Phước, TH Bình Mỹ, TH Dơi Lâu, TH An Nghĩa, TH Tam Thôn Hiệp). Do học sinh lớp 1 học trực tuyến đến hết HKI nên các em chưa nắm chắc phần văn, kỹ năng đọc và viết còn yếu, nên không làm được bài đọc hiểu, không viết được bài Chính tả và không làm được các bài tập chính tả.

Đa số học sinh đạt các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, phân tích, tổng hợp. Vì thế phần lớn học sinh đọc đúng tốc độ, đọc diễn cảm, đọc hiểu văn bản, biết cách giao tiếp, biết vận dụng kiến thức đã học để phân tích và đưa vào cuộc sống xung quanh. Học sinh biết sử dụng từ để đặt câu, vận dụng các mẫu câu, sử dụng hình ảnh nhân hóa, so sánh để viết văn, trình bày bài văn theo bố cục, viết đúng chính tả.

Môn Toán:

K H OÍ	Năm học 2020-2021						Năm học 2021-2022					
	TSHS Dự kiểm tra/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %	TSHS Dự kiểm tra/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %
1	1048/1089 (41 KT không đánh giá)	803 76,6 %	191 18,2 %	50 4,8 %	1044 99,6 %	04 0,4 %	1063/1092 (29 KT không đánh giá)	802 75,4 %	165 15,5 %	69 6,5 %	1036 97,5 %	27 2,5 %
2	1111/1124 (13 KT không đánh giá)	827 74,4 %	247 22,2 %	37 3,3 %	1111 100 %	00	1033/1048 (15 KT không đánh giá)	769 74,4 %	212 20,5 %	52 5,0 %	1033 100 %	00

3	1379/1390 (11 KT không đánh giá)	893 64,8 %	367 26,6 %	119 8,6 %	1379 100 %	00	1110/1117 (07 KT không đánh giá)	746 67,2 %	273 24,6 %	90 8,0 %	1109 99,9 %	01 0,1 %
4	1169/1174 (5 KT không đánh giá)	677 57,9 %	362 31 %	130 11,1 %	1169 100 %	00	1365/1367 (02 KT không đánh giá)	915 67,0 %	320 23,4 %	130 9,5 %	1365 100 %	00
5	981/982 (01 KT không đánh giá)	597 60,8 %	308 31,3 %	76 7,7 %	981 100 %	00	1160/1160	745 64,2 %	328 28,3 %	87 7,5 %	1160 100 %	00
T C	5688/5759 (71 HS KT không đánh giá)	3797 66,7 %	1475 25,9 %	412 7,2 %	5684 99,9 %	04 0.1 %	5731/5784 (53 HS KT không đánh giá)	3977 69,4 %	1298 22,6 %	428 7,5 %	5703 99,5 %	28 0.5 %

*** Qua bảng thống kê đánh giá như sau:**

- Có 5731 học sinh tham gia dự kiểm tra môn Toán cuối năm (trong đó có 53 học sinh khuyết tật học hòa nhập), Như vậy số học sinh có điểm bài kiểm tra dưới 5 là 28 chiếm tỉ lệ 0.5% (nhiều nhất ở khối 1 là 27 học sinh), so với năm học trước tăng 0.1%; Tỉ lệ đạt yêu cầu môn Toán là: 5731/5784 – Tỉ lệ 99,5% giảm so năm học trước 0.1%. Tuy nhiên chất lượng bộ môn có sự ổn định.

- Đa số học sinh đạt theo chuẩn kiến thức – kỹ năng theo từng khối lớp, có kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài; Kỹ năng tính toán khá tốt, nhiều em có sáng tạo trong giải toán. Thực hiện thành thạo các phép tính, làm tốt các bài toán có yếu tố hình học, bài toán tìm thành phần chưa biết, tính giá trị của biểu thức;... Học sinh có điểm kiểm tra dưới 5 là do không cẩn thận khi tính toán, kỹ năng đọc đề và phân tích đề còn yếu.

Môn Khoa học

KHỐI	Năm học 2020-2021						Năm học 2021-2022					
	TSHS Dự KT/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %	TSHS Dự KT/ TSHS	Điểm 9- 10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %
4	1172/ 1174	915 78,1%	199 17%	58 4.9%	1172 100%	-	1367/ 1367	1093 80,0%	215 15,7%	59 4.3%	1367 100%	
5	982/ 982	775 78.9%	169 17.2%	38 3.9%	982 100%		1160/ 1160	878 75,7%	226 19,5%	56 4,8%	1160 100%	
Tổng cộng	2154/ 2156	1690 78.5%	368 17.1%	96 4.4%	2154 100%		2527/ 2527	1971 78.0%	441 17.5%	115 4,6%	2527 100%	

Môn Lịch Sử - Địa lý

KHỐI	Năm học 2020-2021						Năm học 2021-2022					
	TSHS Dự KT/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %	TSHS Dự KT/ TSHS	Điểm 9-10 %	Điểm 7-8 %	Điểm 5-6 %	Điểm trên 5 %	Điểm dưới 5 %
4	1172/ 1174	920 78.5%	189 16.1	63 5.4%	1172 100%		1367/ 1367	1070 78.3%	205 15,0%	92 6,7%	1367 100%	
5	982/ 982	765 77.9%	190 19.3%	27 2.7%	982 100%		1160/ 1160	887 76,5%	215 18,5%	58 5,0%	1160 100%	
Tổng cộng	2154/ 2156	1685 78.2%	379 17.6%	90 4.2%	2154 100%		2527/ 2527	1957 77,5%	420 16,6%	150 5,9%	2527 100%	

Đánh giá chung:

- Tỷ lệ đạt yêu cầu môn Lịch sử và Địa lý cùng với môn Khoa học: đạt 100%, trong đó điểm 9 – 10 môn khoa học đạt 78.0% cao hơn năm học trước 2,2%; môn Lịch sử – Địa lý 78.2% cao hơn cùng kỳ năm trước là 4.6%). Nhận định chất lượng ổn định và cao so với năm học trước.

- Hầu hết giáo viên đã thật sự áp dụng và chủ động đổi mới phương pháp dạy học và sử dụng các phương tiện dạy học trong quá trình tổ chức hoạt động học tập cho học sinh.

- Vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực (phương pháp dạy học hợp tác, hoạt động sắm vai, thu thập và xử lý thông tin, phương pháp bàn tay nặn bột ...). Đặc biệt các trường đã khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy.

- Ban Giám hiệu các trường đã tổ chức tốt việc đưa nội dung giáo dục địa phương môn Lịch sử & Địa lý vào giảng dạy nhằm giáo dục cho học sinh tình cảm gắn với nơi mình đang sống. Đa số giáo viên đều tích cực ứng dụng phương tiện dạy học vào trong các bài dạy một cách nghiêm túc.

- Bên cạnh đó giáo viên rất tích cực chú trọng tích hợp nội dung giáo dục môi trường, Giáo dục sử dụng và tiết kiệm năng lượng, ... vào các môn học. Đặc biệt ở một số đơn vị có chú trọng đến giáo dục kỹ năng sống bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú kết hợp giữa dạy học ngoài hiện trường, tham quan ngoại khóa, các hoạt động thực hành cùng với những trải nghiệm thực tế.

4.8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức thực hiện lớp học linh hoạt, lớp ghép

Toàn huyện có 144 học sinh khuyết tật học hòa nhập ở 15 trường tiểu học, giảm 12 em so với năm học 2020 – 2021. Trong đó có 53 học sinh khuyết tật không tham gia kiểm tra theo đề chung nên không đánh giá xếp loại. Đánh giá các môn bằng định tính và đánh giá năng lực, phẩm chất của đối tượng này được giáo viên chủ nhiệm thường xuyên hỗ trợ để trẻ hoàn thành bài học và đạt các kỹ năng theo yêu cầu.

Trường Chuyên biệt Cần Thạnh có 48 học sinh khuyết tật, trong đó 37/48 trẻ học chương trình tiểu học, chia ra: lớp 1 có 05 lớp - 30 học sinh, lớp ghép 2, 3 có 01 lớp – 7 học sinh (trong đó lớp 2 có 4 học sinh và lớp 3 có 3 học sinh). Một nhóm Can thiệp sớm và hỗ trợ có 11 trẻ mầm non. Nhà trường thực hiện chương trình khung theo Quyết định

5715/ QĐ – BGDDT ngày 08/12/2010 của Bộ Giáo dục – Đào tạo về xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp đối tượng học sinh trên cơ sở giáo dục Chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ cấp tiểu học đối với 02 lớp 1A và 1B là 13 học sinh, trên cơ sở chia nhỏ phù hợp với khả năng của các em; 17 học sinh lớp 1 và 4 học sinh lớp 2 thực hiện chương trình theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018; 3 học sinh lớp 3 thực hiện chương trình theo Quyết định 16/2006/QĐ –BGDDT ngày 05/5/2006, quyết định ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông và bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình theo chuẩn kiến thức kỹ năng. Đến cuối năm học có 48/48 học sinh được đánh giá hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân, trong đó tiểu học có 37/37 học sinh hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân.

Đầu năm học 2021 – 2022 Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường rà soát bổ sung những hồ sơ còn thiếu theo yêu cầu của văn bản số 1948/ GD&ĐT ngày 04/11/2014 về Hướng dẫn thực hiện quản lý giáo dục hòa nhập và chuyên biệt; Công văn số 1831/KH-GDDT ngày 13/12/2021 về Hướng dẫn thực hiện Giáo dục Chuyên biệt năm học 2021 – 2022; Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29 tháng 01 năm 2018 Thông tư Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từng trường đã căn cứ vào văn bản chỉ đạo để xây dựng Kế hoạch Giáo dục đặc biệt của đơn vị mình như: Phối hợp với chính quyền địa phương thống kê, cập nhật thông tin về số lượng trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0 – 18 tuổi; vận động đưa trẻ ra học hòa nhập và học chuyên biệt; tiếp nhận trẻ có nhu cầu Giáo dục đặc biệt, phân công giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập, phân loại theo dạng tật, phân công giáo viên giảng dạy lập Kế hoạch giáo dục cá nhân dựa trên hồ sơ bệnh viện định bệnh của trẻ; sắp xếp lưu trữ hồ sơ, ...Hỗ trợ và miễn, giảm các khoản thu theo quy định của Nhà nước. Tiếp tục vận động các tổ chức xã hội, các tổ chức cá nhân giúp đỡ cho trẻ khuyết tật, chăm lo trang thiết bị, đồ dùng học tập và chăm lo đời sống cho trẻ khuyết tật. Hướng dẫn và tổ chức các chuyên đề cho CBQL và GV các trường có học sinh học hòa nhập. Từng trường đã căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, kết hợp tình hình thực tế của từng đơn vị và địa phương, cũng như những mặt tích cực và còn hạn chế trong năm học trước để đề ra kế hoạch và tổ chức các hoạt động phù hợp với đơn vị của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một vài CBQL chưa thật sự quan tâm đến công tác này, chưa tổ chức bàn giao và phân công cho giáo viên ngay đầu năm học, chưa kiểm tra tư vấn điều chỉnh việc xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, việc thực hiện kế hoạch cá nhân, đánh giá những kiến thức đạt được của trẻ theo kế hoạch đã đề ra từ đó có kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học của trẻ cho phù hợp. Còn tổ chức kiểm tra định kỳ theo đề chung đối với học sinh khuyết tật học theo kế hoạch cá nhân.

Tuy vẫn còn ghép chung với tiểu học về các văn bản pháp lý về hướng dẫn hoạt động chuyên môn nhưng các trường tùy điều kiện của mình đã đảm bảo cho học sinh đầy đủ các điều kiện học tập, được đối xử bình đẳng như học sinh khác. Qua đó, điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy phù hợp với khả năng từng em. Trên cơ sở đó tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ khuyết tật học hoà nhập, không đối xử, phân biệt với các em. Tạo mọi điều kiện cho các em hoạt động vui chơi như những trẻ em khác. Đồng thời nhà trường phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục: Nhà trường – Gia đình – Xã hội để giúp đỡ, hỗ trợ về vật chất và tinh thần nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các em đến lớp và học tập tốt.

Đánh giá chung: Việc tổ chức thực hiện dạy học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật đã đi vào nề nếp, ổn định, góp phần tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật được hưởng quyền lợi về học tập vui chơi.

5. Công tác truyền thông

Các trường tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về lộ trình và điều kiện thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mà trọng tâm là công tác triển khai đối với lớp 1, 2.

Tuyên truyền những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài địa phương, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội; tăng cường truyền thông nội bộ bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến từng cán bộ, giáo viên và người lao động;

Bằng nhiều hình thức như: thông qua các giờ học, các hoạt động của trường, tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh học sinh, trên nhóm zalo của lớp, trang Web của trường,... Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục khuyến khích viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, tập trung vào các tin bài về việc thực hiện CT GDPT 2018 đối với lớp 1, 2, các nội dung tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

Tuyên truyền sâu rộng đến học sinh và phụ huynh và giáo viên tổng đài 111 về phòng chống xâm hại cho trẻ em.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được duy trì. 100% các xã, thị trấn đã đạt chuẩn Quốc gia về PCGDTH và PC GDTH ĐĐT. Các trường đã thực hiện tốt công tác huy động học sinh 6 tuổi trong địa bàn ra lớp.

Có 10/16 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2;

Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng với các trường nghiên cứu, triển khai các kế hoạch, các nội dung tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2021 – 2022; Các trường tổ chức thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo Quyết định số: 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (lớp 3,4,5). Tiếp tục thực hiện việc giao quyền chủ động cho nhà trường thực hiện công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Các trường cũng đã tổ chức thực hiện văn bản số 1634/GDĐT ngày 7 tháng 10 năm 2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh và hoạt động trải

nghiệm cho HS tiểu học (thực hiện văn bản số 3445/GDDT và văn bản 3446/ GDDT của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Trong năm học 2021-2022, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, các trường Tổ chức giảng dạy qua Internet trong thời gian học sinh không đến trường phòng chống dịch bệnh Covid; các trường đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh khi đến trường học trực tiếp, trong đó có Trường Tiểu học Thạnh An tổ chức dạy học trực tiếp thi điểm thành công khi tình hình dịch Covid – 19 vẫn còn diễn biến. Chất lượng học sinh được ổn định và giữ vững.

Tất cả các trường tổ chức dạy tiếng Anh theo đề án và Tin học tự chọn. Riêng môn Tiếng Anh, Có 16/16 trường tiểu học dạy tiếng Anh theo Đề án, tỉ lệ 100%. Có 46 lớp (không tăng giảm so với cùng kỳ) và 1.323 học sinh (tăng 03 học sinh) học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài tại 05 trường, gồm An Nghĩa, An Thới Đông, Bình Khánh, Cần Thạnh, Cần Thạnh 2. Có 04 lớp với 135 học sinh học Toán-Khoa học với giáo viên người nước ngoài tại Trường TH Bình Khánh.

Tham gia đầy đủ các Hội thi của ngành tổ chức

Một số Kết quả đạt được:

- Về số lượng:

+ Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: tỉ lệ: 100 %.

+ Duy trì sĩ số đạt: 5784/ 5784 – tỉ lệ: 100 %.

- **Về học tập:** Tổng số là 5784 HS, không tham gia đánh giá là 53 HS (HS khuyết tật học theo kế hoạch cá nhân). *Vậy Tổng số HS được đánh giá 5731 Học sinh*

+ Hoàn thành tốt: 2895/5731 HS - tỉ lệ: 50.5% (Năm học trước: 45,4%)

+ Hoàn thành: 2790/5731 HS - tỉ lệ: 48.7% (Năm học trước: 53,2%)

+ Chưa hoàn thành: 46/5731 HS - tỉ lệ: 0.8% (Năm học trước: 0,1%)

- Về mức độ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất (ở mức tốt và đạt):

+ Về mức độ hình thành và phát triển phẩm chất:

5777/5784 (TS HS đánh giá) - tỉ lệ: 99,87 % (Năm học trước: 99,8 %)

+ Về mức độ hình thành và phát triển năng lực:

5724/5782 (TS HS đánh giá) - tỉ lệ: 99 % (Năm học trước: 99,7 %)

- HS hoàn thành CT lớp học và hoàn thành CTTH:

+ Tổng số HS: 5759 (5784 trừ 53 HS khuyết tật không tham gia đánh giá còn 5731)

+ **5685/5731 đạt 99,2%** (năm học trước là 5681/5687 đạt 99,9%; trừ 72 HS KT)

- **HS được khen thưởng** (Tổng số 5759 HS – 53 KT còn 5731 HS):

+ Khen thưởng chung: 4572 /5731 tỉ lệ: 79.8 (Năm học trước: 79,3 %)

+ Khen thưởng xuất sắc: 2639/5731 tỉ lệ: 46 % (Năm học trước: 38.4 %)

- Kết quả Hội thi, phong trào:

+ **Hội thi Giáo viên dạy Giỏi cấp huyện:** có 108 GV của 16 trường tiểu học và Trường CB Cần Thạnh tham gia. Kết quả có 93/108 giáo viên - Tỷ lệ: 86,1 % được công nhận Giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học cấp huyện” năm học 2021-2022.

+ **Tham gia Hội thi Giáo viên Chủ nhiệm Giỏi cấp thành phố:** có 28 GV tham gia dự thi, kết quả có 5 giáo viên (GV các trường: Cần Thạnh 2, Long Thạnh, Vàm Sát, An Thới Đông, Bình Khánh) được công nhận Giáo viên Chủ nhiệm Giỏi cấp thành phố trong đó có 1 GV đạt giải khuyến khích.

+ **Nét vẽ xanh cấp thành phố:** Trường CB Cần Thạnh đạt 6 giải, TH Đồng Hòa đạt 1 giải; TH An Thới Đông đạt 1 giải.

2. Một số khó khăn, hạn chế, nguyên nhân:

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số giáo viên chưa đồng đều; cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý, một số đơn vị thiếu giáo viên các môn chuyên như Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật. Tỷ lệ GV chưa đảm bảo đủ 1,5 giáo viên/ lớp (do một số vị trí không tuyển dụng được).

Chất lượng HS hoàn thành chương trình lớp học và hoàn thành CTTH thấp hơn so với năm trước. Phần lớn do học sinh lớp 1 học trực tuyến đến hết HKI nên các em chưa nắm chắc phần văn, kỹ năng đọc và viết còn yếu.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên nhà trường được điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp (đây là điểm mới, giao quyền và trách nhiệm cho giáo viên, nhà trường nhiều hơn), vì vậy giáo viên còn lúng túng, chưa mạnh dạn thực hiện, vẫn thực hiện theo cách cũ. Trong quá trình; Vẫn còn một vài giáo viên chưa Ứng dụng và khai thác hiệu quả CNTT, các phần mềm vào soạn bài dạy trực tuyến như: chia nhóm, tổ chức học nhóm, các hiệu ứng... nên chưa tạo được nhiều hứng thú cho học sinh trong quá trình học.

Các đơn vị chưa được trang cấp đầy đủ trang thiết bị tối thiểu lớp 1, lớp 2 giáo viên gặp khó khăn khi lên lớp.

3. Bài học kinh nghiệm:

Để thực hiện đạt hiệu quả nhiệm vụ năm học, triển khai chương trình GDPT 2018 thì:

Phải quán triệt sâu rộng các văn bản chỉ đạo của các cấp về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tổ chức kịp thời cho cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, thảo luận kỹ nội dung chương trình giáo dục phổ thông mới.

Xây dựng kế hoạch giáo dục của trường theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện của học sinh, của địa phương, nhà trường.

Phải tổ chức rà soát, sửa chữa, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học và lựa chọn sách giáo khoa để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường cần phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo trong năm học; tập hợp số liệu tham mưu, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

kịp thời với các cấp.

Cán bộ quản lý, giáo viên phải chủ động sáng tạo trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình kế hoạch của tổ chuyên môn và kế hoạch của nhà trường; Tích cực tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các buổi tập huấn do trường và các cấp quản lý tổ chức; Tham gia sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và chủ động trao đổi các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Khuyến khích và động viên giáo viên mạnh dạn đổi mới, tiếp cận với xu hướng mới trong việc tổ chức thực hiện nội dung chương trình, đánh giá học sinh.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, xã hội hóa giáo dục để huy động sự hỗ trợ, tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục của nhà trường để có điều kiện thuận lợi tổ chức thực hiện.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI NĂM HỌC 2022 - 2023

1. Công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đầu cấp, dự báo quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2022 - 2023

1.1. Thực trạng

Dự báo quy mô về trường, lớp, học sinh năm học 2022-2023 (theo thống kê đính kèm)

1.2. Thuận lợi

Được sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp trong công tác tuyển sinh cũng như vận động học sinh ra lớp đầu năm, trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.

UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng đã triển khai các quyết định, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn và công tác tuyển sinh năm học 2022-2023 (Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Cần Giờ về Ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023 trên địa bàn huyện Cần Giờ; Đề án số 2005/ĐA-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của UBND huyện Cần Giờ về thực hiện chuyển đổi số trong công tác tuyển sinh đầu cấp từ năm học 2022-2023 trên địa bàn huyện Cần Giờ; Quyết định số 558/QĐ-GDDT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thành lập Hội đồng tuyển sinh ngành học mầm non, vào lớp 1 và vào lớp 6 năm học 2022-2023; Công văn 876/GDDT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn tuyển sinh lớp 1 năm học 2022 – 2022)

Công tác tuyển sinh của cá đơn vị: đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2022-2023; Địa điểm trường đóng gần khu dân cư nên thuận lợi cho việc đi đến của cha mẹ học sinh; Số lượng học sinh trên địa bàn tuyển sinh của trường tương đối ít (35 học sinh theo chỉ tiêu huyện giao) nên thuận lợi cho công tác tuyển sinh cũng như tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp.

1.3. Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

Một số gia đình bỏ địa phương đi làm ăn xa đem theo con em đi không cho các em tham gia học đúng độ tuổi làm ảnh hưởng đến công tác phổ cập giáo dục đúng độ tuổi.

Công tác tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến còn khó khăn. Do đa số cha mẹ học sinh chưa có nhận thức tốt về thực hiện chuyển đổi số trong công tác tuyển sinh đầu cấp; còn hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin.

Phối hợp với địa phương vận động tuyên truyền và giới thiệu công ăn việc làm để họ yên tâm làm việc cũng như quan tâm đến việc học của con em.

2. Công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (tuyển dụng bổ sung, bố trí, sắp xếp,...)

1.1. Thực trạng

Đội ngũ cơ bản đảm bảo cho công tác thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Tổng số:

1.2. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện ủy và Ủy ban nhân huyện từng bước đã có các văn bản pháp lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện rà soát hiện trạng, nhu cầu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên từng lớp học, môn học theo lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, từ đó xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có, đăng ký tuyển dụng và thực hiện tinh giảm biên chế phù hợp với đặc thù của trường, đảm bảo số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên đạt hiệu quả thực hiện chương trình GDPT 2018.

Cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các lớp bồi dưỡng mô đun, buổi tập huấn chuyên đề, sách giáo khoa do trường và các cấp quản lý tổ chức;

1.3. Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số giáo viên chưa đồng đều; cơ cấu đội ngũ chưa hợp lý, một số đơn vị thiếu giáo viên các môn chuyên như Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật. Tỷ lệ GV chưa đảm bảo đủ 1,5 giáo viên/ lớp (do một số đơn vị chưa tuyển dụng được như TH Thạnh An, TH Tam Thôn Hiệp, TH Cần Thạnh 2, TH Cần Thạnh).

Đội ngũ nhân viên chưa có bằng cấp phù hợp với vị trí việc làm, cần được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Do địa bàn huyện Cần Giờ rộng và xa thành phố, nên việc tham gia đào tạo, bồi dưỡng gặp nhiều khó khăn.

Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu với UBND rà soát, sắp xếp, tuyển dụng, bổ sung lại đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo Luật giáo dục 2019, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo tỉ lệ GV đủ 1,5 giáo viên/ lớp, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp.

3. Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

3.1. Thực trạng

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và các hướng dẫn của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018, các đơn vị đã thực hiện rà soát, đánh giá lại điều kiện CSVC, thiết bị dạy học hiện có và đề nghị bổ sung, sửa chữa CSVC;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường rà soát các điều kiện thực hiện CT GDPT đối với cấp tiểu học (về thiết bị dạy học) các trường đã kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học hiện có để lập kế hoạch đề xuất sửa chữa, thay thế, nâng cấp, mua sắm bổ sung những thiết bị dạy học cần thiết và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình giáo dục phổ thông. Chỉ đạo các trường khai thác tối đa tính năng sử dụng của các thiết bị dạy học được trang bị phục vụ cho hoạt động dạy và học và các hoạt động giáo dục khác.

Phối hợp với các Nhà xuất bản tổ chức phát hành sách giáo khoa đến các trường trong huyện. Trước ngày khai giảng 100% HS đã có đầy đủ sách giáo khoa.

Tổng số phòng học hiện nay: 311 sử dụng 264 phòng, còn 48 phòng chưa sử dụng; đáp ứng được nhu cầu cho việc tổ chức giảng dạy năm học 2022-2023 (theo thống kê đính kèm)

3.2. Thuận lợi

Từ nguồn vốn Ngân sách thành phố phân bổ hàng năm cho ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ; Ngân sách từ nguồn vốn tập trung, nguồn vốn phân cấp, nguồn vốn xây dựng nông thôn mới để thực hiện việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng trường lớp theo quy hoạch; mua sắm tài sản, trang thiết bị dạy học hàng năm. Hàng năm Phòng Giáo dục và Đào tạo có xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện thực hiện CTGDPT 2018 từ năm học 2020-2021.

3.3. Khó khăn, nguyên nhân và giải pháp

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, huyện chưa được phê duyệt chủ trương mua sắm đầy đủ trang thiết bị tối thiểu lớp 1, 2 năm học 2021-2022, giáo viên gặp khó khăn khi lên lớp.

Hiện nay các trường đảm bảo đủ số phòng học và các phòng chức năng để tổ chức dạy 2 buổi / ngày. Tuy nhiên một số phòng học và phòng chức năng đã xuống cấp, trong đó các phòng dạy tin học thiết bị xuống cấp rất khó khăn cho việc triển khai chương trình GDPT 2018.

Các trường và phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch hệ thống mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2030; Tham mưu Ủy ban nhân dân có kế hoạch đầu tư trang bị hệ thống, thiết bị hiện đại cho các trường để thực hiện dạy tin học trong chương trình GDPT 2018 từ năm học 2022-2023, kết hợp thực hiện đề án tin học; phê duyệt chủ trương mua sắm đầy đủ trang thiết bị tối thiểu cho lớp 1,2,3.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: không

Trên đây là Báo cáo tổng kết giáo dục cấp Tiểu học năm học 2021-2022./.

(Đính kèm phụ lục số lượng, chất lượng và kết quả các hoạt động năm học 2021 – 2022 và dự kiến về học sinh, phòng học năm học 2022-2023)

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng GDTiH);
- Ban lãnh đạo ;
- Hiệu trưởng trường TiH, Trường CB Cần Thạnh;
- Hiệu trưởng Trường BDGD;
- Các thành viên Tổ Tiểu học;
- Các thành viên tổ THCS (P.Long);
- Tổ HC-TH-KH-VT (Đ/c Tín)
- Lưu: VT.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Thị Hoàng Mai

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục 1



BẢNG THÔNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Thống kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 /BC-GDDT
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

TT		Đơn vị	Số lượng BGH						Số lượng GV					Số lượng NV	Tổng cộng	
			Tổng số	Trình độ chuyên môn			Trình độ quản lý			Tổng số	Đại học	Cao đẳng	THSP 12+2			khác
				Đại học	Cao đẳng	THSP 12+2	Đại học	Đã học BD	Chưa học							
1	CẦN THÀNH 2	2	2				2		21	17	3	1		8	31	
2	CẦN THÀNH	2	2	0	0	0	2	0	25	19	5	1	0	9	36	
3	HÒA HIỆP	1	1				1		14	10	4	0		7	22	
4	LONG THÀNH	2	2				2		14	9	4	1		7	23	
5	ĐỒNG HÒA	2	2				2		16	11	4	1		7	22	
6	THÀNH AN	2	2				2		20	8	8	4		9	33	
7	AN THỜI ĐÔNG	2	2				2		27	23	4	0		7	33	
8	AN NGHĨA	2	2				2		17	14	2	1	0	7	22	
9	DOILÀU	2	2				2		14	12	1	1		9	24	
10	VÀM SÁT	2	2	0	0	0	2	0	11	6	5	0	0	7	22	
11	LÝ NHƠN	2	2				2		16	15	1			7	22	
12	BÌNH KHÁNH	3	2	1			3		40	9	26	5		14	55	
13	BÌNH MỸ	1	1				1		15	11	2	2		7	22	
14	BÌNH PHƯỚC	2	2				2		23	17	6			8	33	
15	BÌNH THÀNH	2	2				2		8	4	4			7	11	
16	TAM THÔN HIỆP	1	1				1		21	15	5	1		7	22	
TỔNG CỘNG		30	29	1	0	0	30	0	302	200	84	18	0	127	459	
Tỷ lệ (%)			96.7%	3.3%	0.0%	0.0%	100.0%	0.0%		66.2%	27.8%	6.0%	0.0%			
17	CB CẦN THÀNH	2	2				2		9	5	1	3		12	22	
TỔNG CỘNG		32	31	1	0	0	32	0	312	210	85	21	11	139	489	

HỘI THI GIÁO VIÊN GIỎI CẤP TRƯỜNG

GV CHỦ NHIỆM GIỎI CẤP TRƯỜNG, GV DẠY GIỎI CẤP HUYỆN

(Thống kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 / BC-GDDT
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

HỘI THI GV GIỎI CẤP TRƯỜNG										GV CHỦ NHIỆM GIỎI CẤP TRƯỜNG					GV DẠY GIỎI CẤP HUYỆN		
SỐ TT	ĐƠN VỊ	Tổng số giáo viên	Tổng số GV đủ điều kiện dự thi	Tổng số GV dự thi	Tổng số GV đạt giới cấp trường	Tỉ lệ		Ghi chú	Tổng số giáo viên	Tổng số GV đủ điều kiện dự thi	Tổng số GV đạt GV CN giỏi	So với tổng số GV đủ điều kiện dự thi	Ghi chú	CẤP HUYỆN			
						So với tổng số GV của trường	So với tổng số GV đủ điều kiện dự thi							Tổng số GV dự thi	T. số GV số GV đạt		
1	CẦN THÀNH 2	21	16	14	14	66,7%	87,50%		15	14	14	100,00%	Bảo lưu KQ	9	6		
2	CẦN THÀNH	25	24	20	20	80,00%	83,33%		18	16	16	100,00%	Bảo lưu KQ	15	12		
3	HÒA HIỆP	14	13	13	8	57,14%	61,54%		10	7	7	100,00%	Bảo lưu KQ	2	2		
4	LONG THÀNH	14	13	12	12	85,71%	92,31%		10	9	9	100,00%	Bảo lưu KQ	8	7		
5	ĐỒNG HÒA	16	13	13	13	81,25%	100,00%		10	9	9	100,00%	Bảo lưu KQ	5	5		
6	THÀNH AN	20	15	14	14	70,00%	93,33%		15	10	10	80,00%	Bảo lưu KQ	8	8		
7	AN THỐI ĐÔNG	27	26	26	26	96,30%	100,00%		18	18	18	88,89%	Bảo lưu KQ	9	8		
8	AN NGHĨA	17	14	14	14	82,35%	100,00%		11	10	10	100,00%	Bảo lưu KQ	8	6		
9	DOİ LẬU	14	13	11	11	78,57%	84,62%		10	9	5	55,56%	Bảo lưu KQ	4	4		
10	VÀM SẮT	11	11	10	10	90,91%	90,91%	Bảo lưu KQ	6	6	6	100,00%		4	3		
11	LÝ NHON	16	13	11	11	68,75%	84,62%		10	10	8	80,00%	Bảo lưu KQ	5	4		
12	BÌNH KHÁNH	40	36	30	29	72,50%	80,56%		30	24	17	70,83%	Bảo lưu KQ	10	10		
13	BÌNH MỸ	15	15	11	11	73,33%	73,33%		10	9	9	100,00%	Bảo lưu KQ	3	3		
14	BÌNH PHƯỚC	23	21	21	18	78,26%	85,71%		17	16	16	99	56,25%	Bảo lưu KQ	9	7	
15	BÌNH THÀNH	8	6	6	6	75,00%	100,00%	Bảo lưu KQ	5	5	4	80,00%		2	2		
16	TAM THÔN HIỆP	21	19	19	14	66,67%	73,68%	Bảo lưu KQ	17	12	8	58,33%		6	5		
TỔNG CỘNG		302	268	245	231	76,49%	86,19%		212	184	166	83,70%		107	92		
17	CBCT	9	9	9	9	100,00%	100,00%		7	7	7	100%	Bảo lưu KQ	1	1		
TỔNG CỘNG		311	277	254	240	77,17%	86,64%		219	191	183	85,34%		108	93		

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

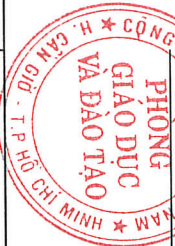


THỐNG KÊ SỐ LỚP - SỐ HỌC SINH CUỐI NĂM - NĂM HỌC 2021-2022

(Thống kê đính kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 /BC-GDDT
ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

STT	TRƯỜNG	SỐ LỚP					SỐ HỌC SINH						
		K1	K2	K3	K4	K5	T.CỘNG	K1	K2	K3	K4	K5	T.CỘNG
1	CẦN THÀNH 2	3	3	3	4	2	15	74	95	109	135	70	483
2	CẦN THÀNH	3	3	4	4	4	18	80	101	109	106	118	514
3	HÒA HIỆP	2	2	2	2	2	10	40	36	47	52	46	221
4	LONG THÀNH	2	2	2	2	2	10	61	47	43	48	51	250
5	ĐỒNG HÒA	2	2	2	2	2	10	45	46	48	53	59	251
6	THÀNH AN	3	3	3	3	3	15	62	49	55	72	62	300
7	AN T ĐÔNG	4	3	3	4	4	18	123	97	87	134	120	561
8	AN NGHĨA	2	2	2	3	2	11	60	59	65	80	62	326
9	DOILẬU	2	2	2	2	2	10	31	44	35	53	45	208
10	VÀM SẮT	1	1	1	2	1	6	28	23	33	57	34	175
11	LÝ NHƠN	2	2	2	2	2	10	34	55	47	60	53	249
12	BÌNH KHÁNH	6	5	6	7	6	30	191	170	193	223	188	965
13	BÌNH MỸ	2	2	2	2	2	10	41	40	48	57	46	232
14	BÌNH PHƯỚC	3	4	3	4	3	17	88	83	85	91	85	432
15	BÌNH THÀNH	1	1	1	1	1	5	31	20	25	35	28	139
16	TAM T HIỆP	4	3	3	4	3	17	103	83	88	111	93	478
TỔNG CỘNG		42	40	41	48	41	212	1092	1048	1117	1367	1160	5784

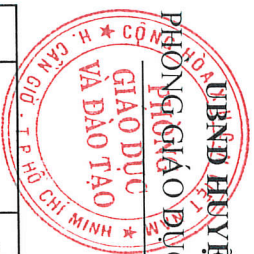
UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



DUY TRÌ SĨ SỐ CUỐI NĂM

(Thống kê đính kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số **927** /BC-GDDT ngày **23** tháng **6** năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

DUY TRÌ SĨ SỐ CUỐI NĂM																	
STT	TRƯỜNG	Tổng số HS cuối năm họcchưa ra lớp	Số HS	Trong hè			HS bỏ học	Tuyển mới lớp 1	Tổng số HS đầu năm	Số HS tăng thêm	Số HS tính tỉ lệ	Tổng Số HS cuối năm	Lý do giảm			TỈ LỆ	
													Bỏ học	chết	chuyển trường		lý do khác
1	CẦN THẠNH 2	409	0	1	2	2	81	493	9	483	483			8	11	100.00%	
2	CẦN THẠNH	441	0	0	0	0	78	519	10	514	514			10	5	100.00%	
3	HÒA HIỆP	192	0	3	2	0	36	227	0	221	221			4	2	100.00%	
4	LONG THẠNH	191	0	0	0	0	62	253	11	250	250			9	5	100.00%	
5	ĐÔNG HÒA	213	0	4	4	0	45	258	5	251	251			8	4	100.00%	
6	THÀNH AN	249	0	1	1	1	55	305	4	300	300			5	4	100.00%	
7	AN T ĐÔNG	454	0	0	0	0	116	570	8	561	561			13	4	100.00%	
8	AN NGHĨA	269	0	4	1	0	56	322	7	326	326			2	1	100.00%	
9	DOILẬU	179	0	3	3	0	33	212	2	208	208			4	2	100.00%	
10	VÀM SẮT	152	0	0	0	0	31	183	4	175	175			9	3	100.00%	
11	LÝ NHON	224	0	2	0	0	36	258	4	249	249			3	10	100.00%	
12	BÌNH KHÁNH	773	0	9	17	0	181	962	3	965	965					100.00%	
13	BÌNH MỸ	190	0	0	5	0	37	232	1	232	232			1		100.00%	
14	BÌNH PHƯỚC	343	0	6	9	0	88	434	5	432	432			5	2	100.00%	
15	BÌNH THẠNH	112	0	0	3	0	28	143	2	139	139			1	5	100.00%	
16	TAM T HIỆP	386	0	1	0	0	101	486	11	478	478			11	8	100.00%	
TỔNG CỘNG		4777	0	34	47	3	1064	5857	86	5784	5784	0	0	93	66	100.00%	



UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HIỆU SUẤT ĐÀO TẠO

Phụ lục 5

(Thông kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021 - 2022 số **927** /BC-GDDT
ngày **23** tháng **6** năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

STT	TRƯỜNG	HS đầu cấp		HS lưu ban của học trước	Chuyển đến trong 5 năm	HS chuyển đi		HS khuyết tật		HS chết	HS bị bệnh nặng ngồi lâu dài	Tổng số HS tính tỉ lệ H suất	Tổng số HS H. Thành CTTH	Hiệu suất đào tạo	Ghi chú	Tổng số HS lưu ban trong 5 năm	HS bỏ học (không có giấy xác nhận)
		HS tuyển vào lớp 1	HS bỏ học ra lớp			HS chuyển trường	HS bỏ địa phương có xác nhận của UBND xã	TS HS K. Tật	Lưu ban								
1	CẦN THÀNH 2				78	5	2	1	1	0	0	70	70	100%	Tách trường lấy số liệu HS lớp 3 đầu năm từ CT; 1 HS lưu ban là HS khuyết tật	1	
2	CẦN THÀNH	191		2	23	92	5	1	1			118	118	100%	1 HS lưu ban là HS KT	1	
3	HÒA HIỆP	53		3	9	12	2	7	5			46	46	100%	5 HS lưu ban trừ 5 KT	5	
4	LONG THẠNH	49		3	9	8	2	2				51	51	100%			
5	ĐỒNG HÒA	61	0	0	11	10	3	0	0	0	0	59	59	100%			
6	THÀNH AN	69	0	6	5	7	4	8	5	0	0	64	62	96.88%	7 HS lưu ban trừ 5 KT	7	
7	AN THỜI ĐÓ	120		9	9	7	2	10	5			124	120	96.77%	9 HS lưu ban trừ 5 KT	9	
8	AN NGHĨA	63		2	10	9	1	2	2		1	62	62	100%	2 HS lưu ban là HS KT	2	
9	DOILÀU	41		3	5	3	1					45	45	100%			
10	VÀM SÁT	36	0	0	3	4	0	1	1	0	0	34	34	100%	1 HS lưu ban là HS KT	1	0
11	LÝ NHƠN	57		1	1	1	5	1				53	53	100%			
12	BÌNH KHÁNH	183	3		18	11		3	3			190	188	98.95%	5 HS lưu ban - 3 HS KT	5	
13	BÌNH MỸ	46		6	6	6		5	5			47	46	97.87%	6 HS lưu ban - 5 HS KT	6	
14	BÌNH PHƯỚC	82	1	9	9	11	0	5	5	0	0	85	85	100%	5 HS lưu ban trừ 5 KT	5	
15	BÌNH THẠNH	33	0	0	4	4	4	1	1	0	0	28	28	100%	1 HS lưu ban là HS KT	1	0
16	TAM T HIỆP	94		8	11	7	2	13	11			93	93	100%	11 HS lưu ban là 11 HS KT	11	
TỔNG CỘNG		1178	4	52	211	197	33	60	45	0	1	1169	1160	99.23%	54 HS lưu ban trừ 45 KT	54	

HSĐT=

SỐ HS L5 HT CT tiểu học

(TS HS lớp 1 năm năm trước + HS bỏ học ra lớp trong 5 năm + số HS lưu ban trong 5 năm + số HS chuyển đến trong 5 năm - số HS chuyển đi trong 5 năm (chuyển trường và bỏ địa phương có xác nhận của xã) - HS khuyết tật trong 5 năm (lưu ban)

- HS chết trong 5 năm - HS bị bệnh nặng trong 5 năm



KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH LỚP HỌC- HOÀN THÀNH CTTH

(Thông kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 / BC-GDDT
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

STT ĐƠN VỊ	HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH LỚP HỌC										HOÀN THÀNH CT CẤP HỌC (KHỐI 5)					TỔNG CỘNG			
	KHỐI 1			KHỐI 2			KHỐI 3			KHỐI 4			KHỐI 5						
	TSHS	LT	%	TSHS	LT	%	TSHS	LT	%	TSHS	LT	%	TSHS	LT	%	TSHS	LT	trừ KT HS tính	%
1 CT 2	74	74	100.0%	95	95	100.0%	109	109	100.0%	135	135	100.0%	70	70	100.0%	483	483		483
2 CT	80	78	97.5%	101	101	100.0%	109	109	100.0%	106	106	100.0%	118	118	100.0%	514	512	2	512
3 HH	40	36	90.0%	36	35	97.2%	47	47	100.0%	52	52	100.0%	46	46	100.0%	221	216	5	216
4 LT	61	59	96.7%	47	46	97.9%	43	42	97.7%	48	48	100.0%	51	51	100.0%	250	246	3	247
5 DH	45	43	95.6%	46	43	93.5%	48	48	100.0%	53	53	100.0%	59	59	100.0%	251	246	5	246
6 TA	62	60	96.8%	49	46	93.9%	55	54	98.2%	72	72	100.0%	62	62	100.0%	300	294	6	294
7 ATĐ	123	118	95.9%	97	97	100.0%	87	87	100.0%	134	134	100.0%	120	120	100.0%	561	556	2	559
8 AN	60	56	93.3%	59	59	100.0%	65	65	100.0%	80	80	100.0%	62	62	100.0%	326	322	1	325
9 DL	31	29	93.5%	44	42	95.5%	35	35	100.0%	53	53	100.0%	45	45	100.0%	208	204	2	206
10 VS	28	28	100.0%	23	23	100.0%	33	32	97.0%	57	57	100.0%	34	34	100.0%	175	174	1	174
11 LN	34	34	100.0%	55	54	98.2%	47	47	100.0%	60	59	98.3%	53	53	100.0%	249	247	2	247
12 BK	191	176	92.1%	170	169	99.4%	193	192	99.5%	223	223	100.0%	188	188	100.0%	965	948	9	956
13 BM	41	36	87.8%	40	38	95.0%	48	47	97.9%	57	57	100.0%	46	46	100.0%	232	224	4	228
14 BP	88	72	81.8%	83	81	97.6%	85	83	97.6%	91	90	98.9%	85	85	100.0%	432	411	6	426
15 BT	31	25	80.6%	20	20	100.0%	25	23	92.0%	35	35	100.0%	28	28	100.0%	139	131	3	136
16 TTH	103	96	93.2%	83	83	100.0%	88	88	100.0%	111	111	100.0%	93	93	100.0%	478	471	2	476
TC	1092	1020	93.4%	1048	1032	98.5%	1117	1108	99.2%	1367	1365	99.9%	1160	1160	100.0%	5784	5685	53	5731

46 chưa hoàn thành CT lớp học (LT 1, ATĐ 3, AN 3, DL 2, BK 8, BM 4, BP 15, TTH 5)



Phụ lục 7

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ MỨC ĐỘ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT

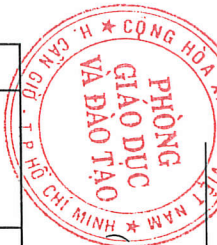
(Thống kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 /BC-GDDT
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ HỌC SINH	PHẨM CHẤT								NĂNG LỰC							
			TSHS ĐÁNH GIÁ	TỐT		ĐẠT		CẦN CỐ GẮNG		TSHS ĐÁNH GIÁ	TỐT		ĐẠT		CẦN CỐ GẮNG			
				SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%		
1	CẦN THÀNH 2	483	483	476	98.6%	7	1.4%	0	0.0%	483	476	98.6%	7	1.4%		0.0%		
2	CẦN THÀNH	514	514	506	98.4%	8	1.6%		0.0%	514	507	98.6%	6	1.2%	1	0.2%		
3	HÒA HIỆP	221	221	148	67.0%	71	32.1%	2	0.9%	221	138	62.4%	81	36.7%	2	0.9%		
4	LONG THÀNH	250	250	213	85.2%	37	14.8%		0.0%	250	198	79.2%	48	19.2%	4	1.6%		
5	ĐỒNG HÒA	251	251	182	72.5%	69	27.5%		0.0%	251	186	74.1%	60	23.9%	5	2.0%		
6	THÀNH AN	300	300	232	77.3%	68	22.7%		0.0%	300	221	73.7%	79	26.3%		0.0%		
7	AN T ĐÔNG	561	561	481	85.7%	80	14.3%		0.0%	561	481	85.7%	80	14.3%		0.0%		
8	AN NGHĨA	326	326	225	69.0%	101	31.0%		0.0%	326	210	64.4%	116	35.6%		0.0%		
9	DOILÀU	208	208	170	81.7%	38	18.3%		0.0%	208	145	69.7%	63	30.3%		0.0%		
10	VÀM SẮT	175	175	97	55.4%	78	44.6%		0.0%	175	93	53.1%	82	46.9%		0.0%		
11	LÝ NHƠN	249	249	184	73.9%	65	26.1%		0.0%	249	167	67.1%	80	32.1%		0.0%		
12	BÌNH KHÁNH	965	965	950	98.4%	15	1.6%		0.0%	965	913	94.6%	36	3.7%	16	1.7%		
13	BÌNH MỸ	232	232	203	87.5%	24	10.3%	5	2.2%	232	218	94.0%	8	3.4%	6	2.6%		
14	BÌNH PHƯỚC	432	432	317	73.4%	115	26.6%		0.0%	432	280	64.8%	135	31.3%	17	3.9%		
15	BÌNH THÀNH	139	139	93	66.9%	46	33.1%		0.0%	139	93	66.9%	46	33.1%		0.0%		
16	TAM T HIỆP	478	478	375	78.5%	103	21.5%		0.0%	478	361	75.5%	110	23.0%	7	1.5%		
TC		5784	5784	4852	83.9%	925	16.0%	7	0.1%	5784	4687	81.0%	1037	17.9%	58	1.0%		

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC SINH KHEN THƯỞNG

Thống kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021 - 2022 số 927 /BC-GDDT
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)



KHỐI TRƯỜNG	TS HS	KHỐI 1			KHỐI 2			KHỐI 3			KHỐI 4			KHỐI 5			Đ. XUẤT	TOÀN TRƯỜNG	
		TS	SL	TL	TS	SL	TL	TS	SL	TL	TS	SL	TL	TS	SL	TL		TS	SL
CẦN THÀNH 2	483	74	70	94.6%	95	88	92.6%	109	109	100.0%	135	128	94.8%	70	70	100.0%	0	483	465
1 CẦN THÀNH	514	80	69	86.3%	101	96	95.0%	109	105	96.3%	106	103	97.2%	118	112	94.9%	0	514	485
2 HÒA HIỆP	221	40	13	32.5%	36	13	36.1%	47	30	63.8%	52	36	69.2%	46	36	78.3%	0	221	128
3 LONG THÀNH	250	61	52	85.2%	47	38	80.9%	43	34	79.1%	48	45	93.8%	51	44	86.3%	0	250	213
4 ĐỒNG HÒA	251	45	35	77.8%	46	22	47.8%	48	42	87.5%	53	45	84.9%	59	59	100.0%	0	251	203
5 THÀNH AN	300	62	33	53.2%	49	49	100.0%	55	105	190.9%	72	57	79.2%	62	49	79.0%	0	300	293
6 AN T ĐÔNG	561	123	86	69.9%	97	66	68.0%	87	51	58.6%	134	85	63.4%	120	91	75.8%	0	561	379
7 AN NGHĨA	326	60	45	75.0%	59	46	78.0%	65	41	63.1%	80	72	90.0%	62	60	96.8%	0	326	264
8 ĐOI LẬU	208	31	11	35.5%	44	17	38.6%	35	35	100.0%	53	53	100.0%	45	45	100.0%	0	208	161
9 VÀM SẮT	175	28	14	50.0%	23	13	56.5%	33	29	87.9%	57	46	80.7%	34	28	82.4%	0	175	130
10 LÝ NHON	249	34	31	91.2%	55	36	65.5%	47	41	87.2%	60	42	70.0%	53	46	86.8%	0	249	196
11 BÌNH KHÁNH	965	191	159	83.2%	170	137	80.6%	193	145	75.1%	223	190	85.2%	188	160	85.1%	0	965	791
12 BÌNH MỸ	232	41	16	39.0%	40	20	50.0%	48	36	75.0%	57	39	68.4%	46	41	89.1%	0	232	152
13 BÌNH PHƯỚC	432	88	44	50.0%	83	52	62.7%	85	47	55.3%	91	62	68.1%	85	41	48.2%	8	432	254
14 BÌNH THANH	139	31	23	74.2%	20	15	75.0%	25	18	72.0%	35	24	68.6%	28	20	71.4%	0	139	100
15 TÂM T HIỆP	478	103	73	70.9%	83	55	66.3%	88	74	84.1%	111	95	85.6%	93	61	65.6%	0	478	358
TỔNG CỘNG	5784	1092	774	70.9%	1048	763	72.8%	1117	942	84.3%	1367	1122	82.1%	1160	963	83.0%	8	5784	4572



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NGÀY HỘI - HỘI THI CÁC TRƯỜNG TỔ CHỨC CHO HỌC SINH

Thông kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021 - 2022 số **927** /BC-GDDT
ngày **23** tháng **6** năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Phụ lục 9

TT	Đơn vị	GD đọc sách và viết chữ đẹp	Rèn luyện T. Chất và S. Khỏe	GD nghệ thuật	Lễ hội trường-rằm-Triệt xuân	GD MT - Ngày chủ nhật xanh	Giờ Tổ Hùng Vương	Chủ đề ATGT	Chủ đề QTE	GD CB Biên-Đảo; QBND VN	Ngày hội Tiếng Anh	Nhạc cụ dân tộc	Lắng nghe tiếng nói HS	Khác	TỔNG
1	CẦN THÀNH 2	2		2			1				2		1	1	9
2	CẦN THÀNH	1	2	2	1		1			1					8
3	HÒA HIỆP	1	2	3		1	1		1	1	1		1	3	15
4	LONG THÀNH			2			1				2	1		1	7
5	ĐỒNG HÒA	1		4			1				2	1	1	3	13
6	THÀNH AN	1			1		1			1	1	1	1	5	12
7	AN T. ĐÔNG			1			1	1	1		1	1			6
8	AN NGHĨA	1		2	1		1		1		2	1	1	2	12
9	DO LẬU	2	1	3			1					1		2	10
10	VÀM SẮT	2	1				1		1		1	1		2	9
11	LÝ NHON					1	1		1	2		1	1	2	9
12	BÌNH KHÁNH	2	1	1		1	1				1		1	1	9
13	BÌNH MỸ						1		1	1	1	1	1	2	8
14	BÌNH PHƯỚC	1	2	1			1						1	3	9
15	BÌNH THÀNH	2		3			1			1	2	1		1	11
16	TAM T. HIỆP	2	1				1	1	1		1	1		2	10
TỔNG CỘNG		18	10	24	3	3	16	2	7	7	17	11	9	30	157

Ghi chú:



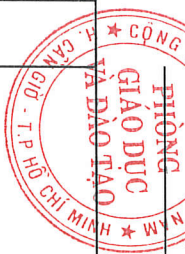
UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DỰ KIẾN SỐ LỚP- SỔ HỌC SINH - NĂM HỌC 2022-2023

(Thống kê đính kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số **927** / BC-GDDT
ngày **23** tháng **6** năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

STT	TRƯỜNG	SỐ LỚP					Dự kiến huyền sinh	SỐ HỌC SINH						
		K1	K2	K3	K4	K5		T.CỘNG	K1	K2	K3	K4	K5	T.CỘNG
1	CẦN THÀNH 2	2	3	3	3	4	15	70	70	74	95	109	135	483
2	CẦN THÀNH	4	3	3	4	4	18	109	111	80	101	109	106	507
3	HÒA HIỆP	2	2	2	2	2	10	55	59	41	36	47	52	235
4	LONG THÀNH	2	2	2	2	2	10	41	43	62	48	43	48	244
5	ĐỒNG HÒA	2	2	2	2	2	10	59	61	48	46	48	53	256
6	THÀNH AN	3	3	3	3	3	15	53	55	65	50	55	72	297
7	AN T ĐÔNG	3	4	3	3	4	17	105	110	123	97	87	134	551
8	AN NGHĨA	2	2	2	2	3	11	50	54	60	59	65	80	318
9	DO LẬU	2	2	2	2	2	10	28	30	33	44	35	53	195
10	VÀM SÁT	1	1	1	1	2	6	15	15	28	24	33	57	157
11	LÝ NHƠN	1	2	2	2	2	9	35	35	35	55	48	60	233
12	BÌNH KHÁNH	6	6	5	6	7	30	179	194	192	171	193	223	973
13	BÌNH MỸ	2	2	2	2	2	10	57	62	43	42	48	57	252
14	BÌNH PHƯỚC	3	3	4	3	4	17	65	81	90	85	86	91	433
15	BÌNH THÀNH	2	1	1	1	1	6	48	54	31	20	25	35	165
16	TAM T HIỆP	3	4	3	3	4	17	83	90	103	83	88	111	475
TỔNG CỘNG		40	42	40	41	48	211	1052	1124	1108	1056	1119	1367	5774

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Thông kê định kèm theo Báo cáo tổng kết cấp tiểu học năm học 2021- 2022 số 927 /BC-GDET
ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Số TT	Đơn vị	Tổng số phòng học				Phòng chức năng							
		Tổng số phòng được đầu tư	Số phòng đã sử dụng	Số phòng chưa sử dụng	Số phòng thiếu (nếu có)	Phòng Giáo dục thể chất	Phòng Âm nhạc	Phòng Mỹ thuật	Phòng Tin học	Phòng Ngoại ngữ	Phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập	Thư viện	Nhà đa năng
1	Tiểu học An Nghĩa	20	16	4	0	1	1	1	1	2	1	1	1
2	Tiểu học An Thới Đông	26	18	8	0	1	1	1	2	2	1	1	1
3	Tiểu học Bình Khánh	30	30	0	0	1	1	1	2	1	1	1	1
4	Tiểu học Bình Mỹ	15	10	5	0	0	1	1	1	1	1	1	1
5	Tiểu học Bình Phước	Diêm chính	15	15	0	0	1	1	1	2	1	1	1
		Diêm Bà Xán	5	5	0	0	0	1	1	1	0	0	0
6	Tiểu học Bình Thạnh	10	5	5	0	1	1	1	1	1	1	2	1
7	Tiểu học Cần Thạnh	19	18	1	0	1	1	1	1	3	1	1	1
8	Tiểu học Cần Thạnh 2	14	14	0	1	1	1	1	1	2	1	1	1
9	Tiểu học Dơi Lầu	Diêm chính	8	8	0	0	1	0	1	1	1	1	0
		Diêm Tắc Cả Ch	5	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0
10	Tiểu học Đồng Hoà	15	10	5	0	1	1	1	1	1	1	1	0
11	Tiểu học Hoà Hiệp	15	15	0	0	1	1	1	1	2	1	2	1
12	Tiểu học Long Thạnh	44	34	10	0	1	1	0	1	2	1	1	1
13	Tiểu học Lý Nhơn	16	11	5	0	1	1	1	1	1	1	1	1
14	Tiểu học Tam Thôn Hiệp	24	24	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0
15	Tiểu học Thanh An	Diêm chính	10	10	0	0	1	0	1	1	1	1	1
		Diêm Thiêng Liê	5	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0
16	Tiểu học Vàm Sát	15	10	5	0	1	1	1	1	1	1	2	1
17	Tổng cộng: Tiểu học	311	263	48	1	15	16	15	21	25	16	19	13

